

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ quy định Luật Quản lý thuế; Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 496/CTSLA-QLN ngày 18 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 38 đơn vị (người nộp thuế) còn nợ phát sinh trước ngày 01/7/2020 với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp, **số tiền 56.243.304 đồng** (Năm mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm linh bốn đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Lý do xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp: Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc để kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế, theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Cục trưởng Cục thuế tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu và các thông tin của hồ sơ xoá nợ trước pháp luật và các cơ quan Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong việc tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ nêu tại Điều 1 quyết định này Cục thuế tỉnh, Chi cục thuế khu vực điều chỉnh số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của người nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục thuế;
- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- MTTQ Việt Nam tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện Kiểm sát tỉnh Sơn La;
- Báo Sơn La;
- Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Trang thông tin điện tử ngành thuế;
- Lưu: VT, TH, 18 bản.

(Để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Tổng số tiền chậm nộp xóa nợ	Tiểu mục						Ghi chú
					4272	4917	4918	4927	4931	4943	
1	Tổng công ty	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Trường Sơn	02 NNT	Số nhà 25B, Đường Lê Lợi, Tổ 5, phường Quyết Thắng	56.243.304	5.460.100		1.404.996	3.408.236	6.297.151	23.987.139	15.685.682
2	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Nam	5500206985	Bán Hóm, xã Chiềng Cỏ, TP Sơn La	24.448.667							708.945
3	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Bảo Lộc	5500215330	261, đường Lò Văn Giá, tổ 5, phường Chiềng Lê	5.514.796							5.514.796
4	Hợp Tác Xã Hà Duy Thương	5500319805	Bán ái, Xã Chiềng Xôm	310.200							310.200
5	Doanh nghiệp TN Trường Ngọc Nam Bắc	5500411448	Số nhà 05, Đường Nguyễn Trãi, Tổ 6, phường Quyết Thắng	355.950							355.950
6	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Hưng Quyết	5500425271	Số nhà 06, Ngõ 8, Đường Lò Văn Giá, Tổ 1, phường Chiềng Lê	999.600						436.200	563.400
7	Công ty CP Môi Trường Xanh Dương Tùng Ôi	5500461417	Số nhà 553, Đường Trần Đăng Ninh, Tổ 2, phường Quyết Tân	794.123	639.800	45.123					109.200
8	Doanh nghiệp TN Hiền Tùng	5500524265	Số nhà 469, đường Trần Đăng Ninh, tổ 4, phường Quyết Tân	838.800							838.800
9	Doanh nghiệp tư nhân Hải Bằng	5500260742	Số nhà 469, đường Trần Đăng Ninh, tổ 4, phường Quyết Tân	476.166							476.166
10	Công ty Cổ Phần Tư Vấn Và Xây Dựng Đức Thành	5500273727	Tổ 7, phường Tô Hiệu	90.800							90.800
11	Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ 616	5500386135	Số 24, tổ 1, phường Tô Hiệu	81.800							81.800
12	Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thắng	5500406409	Số nhà 705, tổ 1, phường Quyết Tân	91.200							91.200
13	CÔNG TY TNHH ĐỨC CHUNG TÂY BẮC	5500410187	Số nhà 238, đường Trường Chinh, tổ 1, phường Quyết Thắng	114.000	77.000						37.000
14	CÔNG TY CP BÊ TÔNG NA	5500438873	Số nhà 61, Đường Chu Văn An, Tổ 2, phường Quyết Tân	16.200							16.200
15	Công ty TNHH Tư Vấn Và Xây Dựng Phong Oanh	5500449836	Số 225, Đường Lê Đức Thọ, Tổ 14, phường Quyết Thắng	91.200							91.200
16	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG 2636	5500485175	Số nhà 01, ngõ 03, Đường Thanh Niên, Tổ 11, phường Quyết Tân	401.400							401.400
17	Công ty TNHH Ban Tầm	5500507340	Số nhà 145, Đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 11, phường Quyết Tân	91.200							91.200
18	Công ty TNHH Đức Anh Sơn La	5500510424	Tổ 9, phường Tô Hiệu	91.200							91.200
19	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG LẠC VIỆT SƠN LA	5500525974	Số nhà 116, Đường cách mạng tháng Tám, Tổ 9, phường Chiềng Lê	91.200							91.200
20	Doanh nghiệp Tư Nhân Hải Thoại Sơn La	5500527139	Số nhà 123, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 7, phường Tô Hiệu	91.200							91.200
21	CÔNG TY TNHH MTV KIM KÊ	5500532996	Số 233, đường Trần Đăng Ninh, Tổ 8, phường Quyết Tân	100.900	9.800						91.100
22	CÔNG TY TNHH MTV KIM KÊ	5500540549	Số 09, Ngõ 35, Đường Nguyễn Trãi, Tổ 06, phường Quyết Thắng	71.125							71.125
23	CÔNG TY CỔ PHẦN VINA DOOSAN	5500548788	Số nhà 163, Đường Trần Đăng Ninh, Tổ 9, phường Quyết Tân	91.200							91.200
24	CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC NGHĨA SƠN LA	5500551928	Tổ 2, phường Chiềng Cỏi	4.200							4.200
25	CÔNG TY TNHH NAM ANH SƠN LA	5500555601	Số nhà 218A, đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 1, phường Quyết Thắng	1.378.855					1.372.355		6.500
26	CÔNG TY TNHH MTV TM & DV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP ĐÀ LỘC	5500563137	Số 69, đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 6, phường Quyết Thắng	181.600	90.400						91.200
27	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ THUƠNG MẠI TPM	5500565173	Số 51 B đường Điện Biên, TP Sơn La	91.200							91.200
28	CÔNG TY TNHH HƯNG THỊNH TÂY BẮC	5500566931	Số 244, đường Trường Chinh, Tổ 1, phường Quyết Thắng	79.400							79.400
29	CÔNG TY TNHH MTV QUỲNH ANH TÂY BẮC	5500568706	Số nhà 318, Tổ 1, phường Chiềng Lê	91.000							91.000
30	CÔNG TY TNHH HOÀNG AN SƠN LA	5500568826	Ngã ba Bản Mè, phường Chiềng Cỏi	22.400							22.400
31	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THUƠNG MẠI HOÀN HẢO SƠN LA	5500568872	Số nhà 04A, Ngõ 106, Đường Thanh Niên, Tổ 3, phường Tô Hiệu	91.000							91.000
		5500568985	Số nhà 46, tổ 12, phường Chiềng Lê	91.200							91.200



32	CÔNG TY TNHH HÙNG ANH TÂY BẮC	5500372526	Tổ 1, phường Chiềng Sinh	91.200						91.200	
33	Tổ hợp tác Quyết Tiến	5500481185	Tổ 14 - Phường Quyết thắng	1.385.764			541.065	422.350	422.349		
34	Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây Dựng Tiến Công	5500212423	HTX Ân Sinh, TP Sơn La	7.391.958			818.808	422.416	581.529	5.569.205	
35	Công ty trách nhiệm hữu hạn Lê Hoàng	5500298156	Số 80 đường Tô Hiệu, tổ 4, phường Tô Hiệu	427.200					225.360	201.840	
36	Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiên Định	5500390052	Bản Nong Lanh, xã Chiềng Đen	694.050						182.850	511.200
37	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Mạnh Ngân	5500403454	Tổ 3, Phường Tô Hiệu	8.732.050	4.643.100					116.350	3.972.600
38	Doanh nghiệp tư nhân thương mại A.T.N	5500408893	Số nhà 7, ngõ 16, tổ 6, phường Tô Hiệu	237.300							237.300

Ghi chú:

Tiền mục 4972: Tiền phạt chậm nộp vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý

Tiền mục 4918: Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Tiền mục 4927: Tiền chậm nộp thuế tài nguyên

Tiền mục 4931: Tiền chậm nộp thuế Giá trị gia tăng

Tiền mục 4944: Tiền chậm nộp các khoản khác điều kiện 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý

